

BÀI 7: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò quan trọng

- A. trong việc hình thành và nâng cao lòng tự hào dân tộc.
- B. trong việc hình thành và phát triển truyền thống yêu nước.
- C. đối với sự sinh tồn và phát triển của quốc gia, dân tộc
- D. khơi dậy và củng cố tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc.

Câu 2. Dòng sông nào sau đây ba lần ghi danh quân dân Việt Nam chiến thắng quân xâm lược?

- A. Sông Đà B. Sông Bạch Đằng C. Sông Hồng D. Sông Mê – công

Câu 3. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam trước cách mạng Tháng Tám 1945?

- A. Mục đích kháng chiến của ta là chính nghĩa.
- B. Kẻ thù gặp khó khăn trong quá trình xâm lược
- C. Lực lượng quân sự của ta lớn mạnh hơn kẻ thù.
- D. Ta nhận được ủng hộ, giúp đỡ to lớn từ bên ngoài.

Câu 4. Một trong những nghệ thuật quân sự tiêu biểu của cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý (1075 – 1077) là

- A. vườn không nhà trống B. Chớp thời cơ
- C. Đóng cọc trên sông, lợi dụng thủy triều D. Tiên phát chế nhân

Câu 5: Nội dung nào sau đây phản ánh **không đúng** ý nghĩa của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Hình thành và nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc
- B. Tô đậm nhiều truyền thống tốt đẹp của dân tộc
- C. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm sâu sắc
- D. Tác động lớn đến chính sách của bộ máy lãnh đạo

BÀI 8: MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỈ III TCN ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) nổ ra trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Nhà Hồ tiến hành cải cách đất nước thành công. B. Nhà Trần khủng hoảng, suy yếu trầm trọng.
- C. Nhà Minh thi hành chính sách cai trị hà khắc. D. Nhà Minh lâm vào khủng hoảng, suy yếu.

Câu 2. Sau khi đánh đổ chính quyền chúa Nguyễn, một nhiệm vụ đặt ra cho phong trào Tây Sơn là

- A. tiến quân ra Bắc, phối hợp với vua Lê đánh đổ chúa Trịnh.
- B. tiến quân ra Bắc tiêu diệt 29 vạn quân Thanh xâm lược
- C. tiến ra Bắc đánh đổ chính quyền Lê - Trịnh, thống nhất đất nước.
- D. tiến ra bắc phối hợp với chúa Trịnh lật đổ vua Lê.

Câu 3: Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta thời kì Bắc thuộc đều diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

A. Chính quyền phương Bắc suy yếu.

B. Đất nước bị mất độc lập, tự chủ.

B. Lực lượng vũ trang của ta lớn mạnh.

D. Nhân dân Việt Nam đã bị đồng hóa.

Câu 4: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn?

A. Đập tan quân xâm lược Xiêm và Thanh, bảo vệ độc lập dân tộc

B. Kết thúc 20 năm nhà Minh đô hộ, mở ra thời kì mới của đất nước.

C. Xóa bỏ ranh giới chia cắt đất nước, đặt cơ sở thống nhất quốc gia

D. Đưa Đại Việt trở thành cường quốc hàng đầu khu vực Đông Nam Á

Câu 5: Từ một cuộc khởi nghĩa địa phương đã phát triển thành phong trào dân tộc rộng lớn là một trong những đặc điểm nổi bật của

A. phong trào Tây Sơn

B. khởi nghĩa Lam Sơn

C. kháng chiến chống Nam Hán

D. khởi nghĩa Hai Bà Trưng

Câu 6.

“Một xin rửa sạch nước thù

Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng

Ba kéo oan ức lòng chồng

Bốn xin vền vẹn sở công lênh này”

Những câu thơ trên là lời thề mở đầu cho cuộc khởi nghĩa nào sau đây?

A. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng

B. Khởi nghĩa Lý Bí

C. Khởi nghĩa Bà Triệu

D. Khởi nghĩa Phùng Hưng

Câu 7: Cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu (năm 248) đã

A. mở đầu cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta thời Bắc thuộc

B. tiếp tục khẳng định sức mạnh và ý chí của phụ nữ Việt Nam

C. Mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài trong lịch sử dân tộc

D. Tạo cơ sở cho sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc đấu tranh giành độc lập về sau

Câu 8. Việc Lý Bí đặt tên nước là Vạn Xuân (năm 544) thể hiện

A. mong muốn quốc gia tồn tại lâu dài, yên vui.

B. mong muốn đất nước nước ở trong mùa xuân.

C. ý chí và quyết tâm bảo vệ độc lập, tự chủ.

D. ý chí và quyết tâm duy trì hòa bình, ổn định.

Câu 9. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là cuộc khởi nghĩa thứ mấy trong thời Bắc thuộc?

A. Khởi nghĩa đầu tiên.

B. Khởi nghĩa thứ hai.

C. Khởi nghĩa thứ chín.

D. Khởi nghĩa cuối cùng.

Câu 10: Nội dung nào sau đây **không phải** là bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX)?

A. Xây dựng lực lượng chống giặc ngoại xâm.

B. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

C. Nghệ thuật quân sự đánh giặc giữ nước.

D. Nâng cao sức năng lực lãnh đạo của Đảng.

BÀI 9: CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Về kinh tế - xã hội, nhằm hạn chế sự phát triển của chế độ sở hữu ruộng đất lớn trong các điền trang, thái ấp của quý tộc, Hồ Quý Ly đã

A. cho phát hành tiền giấy.

B. ban hành chính sách hạn điền.

C. cải cách chế độ giáo dục.

D. thống nhất đơn vị đo lường.

Câu 2. Sau khi lên ngôi và lập ra nhà Hồ, Hồ Quý Ly đã tiếp tục

A. tổ chức kháng chiến chống quân Xiêm.

B. tổ chức kháng chiến chống quân Thanh

C. mở rộng lãnh thổ về phía Nam.

D. tiến hành cuộc cải cách sâu rộng.

Câu 3. Xây dựng nhiều thành lũy kiên cố, chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến là nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ về

A. kinh tế.

B. văn hoá.

C. quân sự.

D. xã hội.

Câu 4. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc cải cách Hồ Quý Ly cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

A. Bước đầu ổn định tình hình xã hội, củng cố tiềm lực đất nước

B. Là cuộc cải cách triệt để giúp đất nước vượt qua khủng hoảng.

C. Góp phần xây dựng nền văn hoá, giáo dục mang bản sắc dân tộc.

D. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về việc trị nước.

Câu 5. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng kết quả cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

A. Vai trò, sức mạnh của nhà nước được tăng cường. B. Đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.

C. Lĩnh vực quân đội, quốc phòng được củng cố.

D. Giúp Đại Việt thoát khỏi nguy cơ bị xâm lược.

BÀI 10: CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỈ XV)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông được tiến hành trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

A. Nội bộ triều đình có nhiều mâu thuẫn, biến động.

B. Nền kinh tế sa sút, nạn đói diễn ra thường xuyên

C. Đất nước đứng trước nguy cơ bị nhà Minh xâm lược

D. Chế độ phong kiến lâm vào khủng hoảng trầm trọng

Câu 2. Công cuộc cải cách của Lê Thánh Tông được tiến hành trên mọi lĩnh vực, nhưng tập trung chủ yếu vào lĩnh vực

A. kinh tế.

B. giáo dục.

C. hành chính.

D. văn hóa.

Câu 3: Để quản lý đất nước, vua Lê Thánh Tông đã cho ban hành bộ luật nào sau đây?

A. Hình thư

B. Quốc triều hình luật.

C. Hình luật.

D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 4: Trong lĩnh vực văn hóa, Lê Thánh Tông đặc biệt đề cao hệ tư tưởng

A. Phật giáo

B. Đạo giáo

C. Nho giáo

D. Thiên chúa giáo

Câu 5: Ban cấp ruộng đất ruộng đất cho quý tộc, quan lại cao cấp từ nhất phẩm đến tứ phẩm là nội dung chủ yếu của chính sách cải cách nào sau đây của vua Lê Thánh Tông?

A. Quân điền

B. Hạng điền

C. Hạng nô

D. Lộc điền

Câu 6: Ruộng đất công ở các làng xã thời Lê Thánh Tông được phân chia theo chế độ nào sau đây?

A. Điền trang.

B. Lộc điền.

C. Quân điền.

D. Hạng điền

Câu 7: Dưới thời vua Lê Thánh Tông, hệ thống cơ quan phụ trách đạo thừa tuyên có tên gọi là

A. Tam ty

B. Lục bộ

C. Lục khoa

D. Thông chính ty

Câu 8. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông cho lập thêm đạo thừa tuyên thứ 13 có tên gọi là

A. Hà Nội.

B. Phú Xuân.

C. Quảng Nam.

D. Tây Đô.

Câu 9: Trong cuộc cải cách thế kỉ XV, dưới đạo thừa tuyên, vua Lê Thánh Tông thiết lập hệ thống

A. phủ, huyện/châu, xã.

B. tỉnh/thành phố, huyện, xã

C. lộ, trấn, phủ, huyện/châu

D. tỉnh, phủ, huyện, làng.

Câu 10: Dưới thời vua Lê Thánh Tông, hệ thống quan lại được tuyển chọn chủ yếu thông qua

A. dòng dõi tôn thất

B. tiến cử

C. giáo dục – khoa cử

D. đề cử

Câu 11: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng mục đích cải cách của vua Lê Thánh Tông?

- A. Tăng cường quyền lực của hoàng đế và củng cố bộ máy nhà nước
- B. Giải quyết tình trạng khủng hoảng trầm trọng của đất nước bấy giờ
- C. Biến nước ta trở thành cường quốc lớn mạnh hàng đầu trong khu vực.
- D. Tăng cường tiềm lực đất nước chuẩn bị đối phó với giặc ngoại xâm

Câu 12: Để tập trung quyền lực vào nhà vua, Lê Thánh Tông đã

- A. Bãi bỏ nhiều cơ quan, chức quan cũ
- B. Chú trọng đổi mới giáo dục khoa cử
- C. Ban hành chính sách hạn điền và hạn nô
- D. Coi trọng bảo vệ quyền lợi phụ nữ, trẻ em

Câu 13: “Đây là một bộ luật đầy đủ... gồm hơn 700 điều, quy định khá đầy đủ tội danh và hình phạt liên quan đến hầu hết các hoạt động xã hội, bảo vệ quyền hành của giai cấp thống trị, một số quyền lợi chân chính của nhân dân và an ninh đất nước”. Nhận xét trên đề cập đến bộ luật nào sau đây?

- A. Hình luật.
- B. Hình thư.
- C. Quốc triều hình luật.
- D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 14: Năm 1460, sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông đã tiến hành

- A. cuộc cải cách trên nhiều lĩnh vực.
- B. mở cuộc tiến công sang Trung Quốc.
- C. công cuộc thống nhất đất nước.
- D. khuyến khích phát triển ngoại thương.

Câu 15. Một trong những điểm mới và tiến bộ của bộ luật Quốc triều hình luật là

- A. đề cao quyền tự do, dân chủ của nhân dân.
- B. bảo vệ tuyệt đối quyền và lợi ích của vua.
- C. bảo vệ quyền và lợi ích của quân cấm binh.
- D. bảo vệ quyền lợi và địa vị của người phụ nữ.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nay quan gia còn trẻ thơ mà thiên tai xảy ra luôn, trăm (tức Lê Nhân Tông) rất lo sợ. Mỗi hại ngày nay có thể là do gây bè cánh, tiến cử không công bằng, có thể vì cậy thế công thần nơi tiềm để cho vợ con chạy chọt nhờ vả nơi quyền thế, có thể do để bọn gia nô làm hại dân lành, hay thậm thụt ở các nhà quyền thế để xin khỏi tội,..”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.372)

- a. Đoạn trích phản ánh mối lo ngại của vua Lê Nhân Tông về thực trạng kinh tế, chính trị của quốc gia lúc bấy giờ
- b. Theo vua Lê Nhân Tông, một trong những nguyên nhân khiến triều đình có nhiều biến động là do tình trạng phe cánh, bè phái trong nội bộ hệ thống quan lại
- c. Dưới thời vua Lê Nhân Tông, thiên tai xảy ra liên tiếp là do triều đình không quan tâm đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân
- d. Một bộ phận công thần dưới thời vua Lê Nhân Tông có nhiều biểu hiện của sự lộng quyền

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1471, nhằm tăng cường sự kiểm soát chỉ đạo của vua đối với các triều thần, tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quan lại, Lê Thánh Tông đã bãi bỏ một số chức quan đại thần có công nhưng không có học thức, thay vào đó bằng các văn quan được tuyển chọn qua thi cử nhằm hạn chế chia bè, kéo cánh trong triều đình, hạn chế sự thao túng quyền lực của các công thần. Việc ông trực tiếp quản lý các bộ đã hạn chế sự công kênh, quan liêu của bộ máy hành chính”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang

91)

- a. Đoạn trích cung cấp thông tin về một số biện pháp cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực

chính trị, quân sự

- b. Một số quan lại đương chức nhưng không có học thức đã bị Lê Thánh Tông bãi bỏ, thay thế vào đó là những người được tuyển chọn qua hình thức khoa cử
- c. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông đã thực hiện một số biện pháp thể hiện sự trọng dụng đặc biệt đối với bộ phận công thần trong triều
- d. Những cải cách của Lê Thánh Tông năm 1471 đã khiến quyền lực được tập trung cao độ vào trong tay nhà vua

Câu 3: “Ngay từ thời Lê Thái Tổ, nhà Lê không cho con cháu quan lại đi trấn các nơi, không được phân đi trấn giữ các ngoại trấn, hay giữ các chức vụ quan trọng trong triều nếu không có tài, học hành kém”

(Trích tạp chí khoa học trường Đại học Cần Thơ, số 54, năm 2008)

- a) Đoạn trích đề cập đến vấn đề sử dụng quan lại dưới thời Lê.
- b) Tất cả quan lại dưới triều Lê đều được tuyển chọn qua thi cử.
- c) Hạn chế việc anh em, họ hàng cùng làm quan một vùng.
- d) Để lại bài học cho việc bổ nhiệm cán bộ ngày nay.

BÀI 11: CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Cuộc cải cách hành chính lớn nhất của vương triều Nguyễn được tiến hành dưới thời vua
A. Gia Long. **B.** Minh Mạng. **C.** Tự Đức. **D.** Thiệu Trị.

Câu 2: Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) được thực hiện trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

- A. Chế độ quân chủ chuyên chế đang trong thời kì thịnh trị.
- B. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh
- C. Bộ máy chính quyền nhà nước chưa hoàn thiện, đồng bộ
- D. Đất nước đứng trước nguy cơ xâm lược từ nhà Thanh

Câu 3: Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) nhằm thực hiện một trong những mục đích nào sau đây?

- A. Tập trung quyền lực vào tay vua B. Thúc đẩy kinh tế tư bản chủ nghĩa
- C. Ngăn ngừa nguy cơ giặc ngoại xâm D. Khôi phục nền giáo dục Nho học

Câu 4: Để hoàn thiện bộ máy chính quyền Trung ương, vua Minh Mạng đã cho thành lập một số cơ quan mới có tên là

- A. Lục bộ, Lục khoa, Lục tự B. Đô ty, Thừa ty, Hiến ty
- C. Đô sát viện, Cơ mật viện D. Thông chính ty, Quốc Tử Giám

Câu 5: Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) tập trung vào lĩnh vực chủ yếu nào sau đây?

- A. Kinh tế B. Văn hóa C. Quốc phòng D. Hành chính

Câu 6. Ở địa phương, trong công cuộc cải cách hành chính nửa đầu thế kỉ XIX, vua Minh Mạng đã chia cả nước thành

- A. 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên. B. Bắc Thành, Gia Định thành
- C. 13 đạo thừa tuyên và các phủ D. các lộ, trấn, phủ, huyện/châu

Câu 7. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) được thực hiện trong bối cảnh

- A. tình hình an ninh – xã hội ở nhiều địa phương bất ổn
- B. bộ máy nhà nước phong kiến cơ bản đã hoàn chỉnh.
- C. tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất đã khắc phục.

D. phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thâm nhập mạnh

Câu 8. Cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) **không** nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất.
- B. Tăng cường tính thống nhất và tiềm lực của đất nước.
- C. Tập trung quyền lực và hoàn thiện bộ máy nhà nước.
- D. Xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.

Câu 9. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

- A. xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.
- B. ngăn chặn mọi nguy cơ xâm lược từ bên ngoài.
- C. đặt cơ sở cho sự phân chia tỉnh, huyện hiện nay.
- D. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

Câu 10. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) và cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có điểm giống nhau nào sau đây?

- A. Nâng cao vai trò quản lí của chính quyền ở trung ương.
- B. Khuyến khích, tạo điều kiện cho ngoại thương phát triển.
- C. Ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất đất nước về lãnh thổ.
- D. Chú trọng phát triển kinh tế, xã hội theo hướng tư bản.

Câu 11. Một trong những di sản lớn nhất trong cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) còn giá trị đến ngày nay là

- A. cách thức tổ chức bộ máy nhà nước ở trung ương.
- B. cách thức phân chia đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- C. tập trung cao độ quyền lực vào trong tay nhà vua.
- D. ưu tiên bổ nhiệm quan lại là người ở địa phương.

Câu 12. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) và cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có điểm khác biệt nào sau đây?

- A. Thành lập lục Bộ để giúp việc cho nhà vua.
- B. Tăng cường quyền lực tuyệt đối của nhà vua.
- C. Thành lập các cơ quan Nội các và Cơ mật viện.
- D. Củng cố chế độ quân chủ chuyên chế tập quyền.

Câu 13: Cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng được thực hiện trên cơ sở học tập chủ yếu mô hình của vương triều nào sau đây ở Trung Quốc?

- A. Nhà Nguyên B. Nhà Thanh C. Nhà Tống D. Nhà Đường

Câu 14. Nội dung nào **không** phản ánh đúng về bối cảnh thực hiện cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)?

- A. Tình trạng lạm quyền của quan lại địa phương.
- B. Mâu thuẫn xã hội diễn ra gay gắt.
- C. Bộ máy nhà nước chưa hoàn chỉnh.
- D. Chế độ quân chủ đang trong thời kì thịnh trị.

Câu 15. Công cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Tiến hành đổi mới đất nước.

- B. Thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
- C. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- D. Đấu tranh giành chính quyền.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nội các là một cơ yếu, phải đặc cách chọn lấy những bề tôi châu hầu tùy tùng ở bên nhà vua khiến cho ra vào gần gũi đề phòng khi cần hỏi han. Những người sung vào chức đó thì lấy ở hàng quan Tam, Tứ phẩm trong các bộ, các viện, còn các thuộc viên thì lấy những người có chức hàm trong Viện hàn lâm sung vào, các bậc thì ở dưới Lục bộ. Phàm những sắc, chiếu, sớ tấu, sách vở, ghi chép, hoặc xem xét giấy tờ, đều thuộc tòa Nội các cả; những viên chức đó đều tùy theo công việc nặng nhẹ, nhiều ít, chức lượng mà chia ra từng tào để cho có chuyên trách”.

(Lời dụ của Minh Mạng, trích trong: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004)

- a. Nội các là một trong những cơ quan chủ chốt của triều đình phong kiến trung ương nhà Nguyễn từ thời vua Minh Mạng.
- b. Toàn bộ các thành viên của Nội các đều lấy từ các chức quan ở trong Lục bộ
- c. Theo lời dụ của Minh Mạng, một trong những nhiệm vụ của Nội các là giúp vua khởi thảo sắc, chiếu, sớ tấu...
- d. Nội các chịu trách nhiệm trực tiếp trước nhà vua, đồng thời chịu sự giám sát của Lục bộ và các cơ quan chuyên môn khác.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“ Trong thì Nội các ở bên tả, Cơ mật viện ở bên hữu, ngoài thì võ có Ngũ quân Đô thống phủ, văn có đường quan Lục bộ: tả hữu có người, trong ngoài giúp nhau. Phàm những việc Lục bộ làm chưa đúng, thì Nội các hạch ra, những việc Nội các làm chưa hợp lẽ thì Cơ mật viện hạch ra, khiến cho ràng rịt nhau mới mong đến được thịnh trị”.

(Lời dụ của Minh Mạng, trích trong: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr.435)

- a. Lời dụ của vua Minh Mạng phản ánh tổ chức bộ máy chính quyền phong kiến ở cấp trung ương và địa phương
- b. Nội các, Cơ mật viện, Lục bộ là những cơ quan chủ chốt trực tiếp giúp việc cho vua và chịu trách nhiệm trước nhà vua
- c. Vua Minh Mạng rất coi trọng việc kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan chủ chốt trong triều
- d. Ngũ quân Đô thống phủ là cơ quan chuyên môn giúp đỡ Lục bộ về tổ chức quân đội, võ bị ở các địa phương

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tháng 9 năm 1832, Minh Mạng lập ra Đô sát viện. Nhiệm vụ của Đô sát viện là giám sát hoạt động của các quan chức trong hệ thống cơ quan hành chính từ trung ương đến địa phương. Đây là một cơ quan hoạt động độc lập, không chịu sự kiểm soát của bất kỳ một cơ quan nào ở triều đình ngoài nhà vua. Các quan chức của Đô sát viện có nhiệm vụ phối hợp với các Giám sát ngự sử 16 đạo để hoạt động kiểm soát và kiểm tra công việc của bộ máy quan lại ở địa phương”

(Nguyễn Cảnh Minh, Đào Tố Uyên, *Một số chuyên đề lịch sử cổ trung đại Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, 2009, tr.104)

- a. Đô sát viện là một cơ quan chủ chốt của triều đình phong kiến trung ương được vua Minh Mạng thành lập thế kỉ XVIII
- b. Đô sát viện là cơ quan chỉ chịu sự kiểm soát và giám sát duy nhất của nhà vua
- c. Đô sát viện có nhiệm vụ giám sát các cơ quan, quan lại các cấp từ trung ương đến địa phương
- d. Trong việc kiểm tra, giám sát công việc của bộ máy quan lại ở địa phương, Đô sát viện hoạt động độc lập với các Giám sát ngự sử 16 đạo.

Bài 12: VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Biển Đông là biển thuộc khu vực nào sau đây?

- A. Ấn Độ Dương.
- B. Thái Bình Dương.
- C. Đại Tây Dương.
- D. Địa Trung Hải.

Câu 2. Eo biển nào sau đây **không** nằm trong khu vực Biển Đông?

- A. Eo Đài Loan.
- B. Eo Magellan.
- C. Eo Ma-lắc-ca.
- D. Eo Ba-si.

Câu 3. Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á- Thái Bình Dương về lĩnh vực nào sau đây?

- A. Văn hóa - Thể thao.
- B. Giáo dục - Y tế.
- C. Quốc phòng - an ninh.
- D. Văn hóa - giáo dục.

Câu 4. Biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của người dân ở một số nước thuộc khu vực nào sau đây?

- A. Châu Phi.
- B. Châu Mỹ.
- C. Châu Âu.
- D. Châu Á- Thái Bình Dương.

Câu 5. Một trong những loại khoáng sản ở Biển Đông có giá trị đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của một quốc gia là?

- A. Than.
- B. Dầu khí.
- C. Đồng.
- D. Sắt.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Biển Đông là nơi cư trú của trên 12.000 loài sinh vật, trong đó có khoảng 2040 loài cá, 350 loài san hô, 662 loài rong biển, 12 loài có vú....Trong khu vực này tập trung 221 loài cây nước mặn tạo nên diện tích rừng ngập mặn tương đối lớn. Khu vực thềm lục địa của Biển Đông có tiềm năng dầu khí cao như bồn trũng Brunei, Nam Côn Sơn, Hoàng Sa.....

(Theo Nguyễn Văn Âu, Địa lí tự nhiên Biển Đông, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, tr.33, 71 - 72)

- a. Biển Đông là khu vực có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú với trữ lượng lớn như: sinh vật biển, khoáng sản (ti-tan, thiếc, chì, kẽm,...). Đặc biệt, Biển Đông là một trong năm bồn trũng chứa dầu khí lớn nhất thế giới.
- b. Nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng của Biển Đông có giá trị cao đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phục vụ đời sống hằng ngày của cư dân và phát triển kinh tế - xã hội của các nước trong khu vực.
- c. Biển Đông là khu vực thiếu nghiêm trọng nước ngọt, có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú với trữ lượng lớn như: sinh vật biển, khoáng sản (ti-tan, thiếc, chì, kẽm,...). Đặc biệt, Biển Đông là một trong năm bồn trũng chứa dầu khí lớn nhất thế giới.

d. Nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng của Biển Đông không có giá trị cao đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phục vụ đời sống hằng ngày của cư dân và phát triển kinh tế - xã hội của các nước trong khu vực.

Câu 2 .Đọc đoạn tư liệu sau :

“Ven Biển Đông có trên 530 cảng biển , trong đó có 2 cảng lớn và hiện đại bậc nhất là cảng Xin – ga – po và cảng Hồng Kông . Khoảng 45% khối lượng hàng hóa xuất khẩu của Nhật Bản và 55 % lượng hàng hóa xuất khẩu của các nước ASEAN được vận chuyển qua tuyến đường này .”

SGK lịch sử 11-bộ Cánh Diều –trang 79

a. Tất cả khối lượng hàng hóa xuất khẩu của Nhật Bản và của các nước ASEAN được vận chuyển qua Biển Đông .

b. Biển Đông chỉ là tuyến giao thông đường biển huyết mạch của Xin –ga –po.

c. Đoạn tư liệu miêu tả về tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông.

d. Đoạn tư liệu phản ánh Biển Đông giữ vị trí là tuyến đường hàng hải quốc tế nhộn nhịp .

Câu 3. Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), Biển Đông là vùng biển có sản lượng đánh bắt hải sản hàng đầu thế giới với khoảng 6 triệu tấn, chiếm 10% tổng khối lượng toàn thế giới, riêng sản lượng cá xếp thứ 4/19 thế giới.

a. Hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông chỉ thuận lợi để đầu tư và phát triển du lịch.

b. Việt Nam được đánh giá là quốc gia có lợi thế và tiềm năng to lớn về tài nguyên biển.

c. Vùng biển rộng lớn với nhiều đảo là không gian trọng yếu để phát triển văn hóa.

d. Biển đảo là nguồn cung cấp lương thực chủ yếu cho cuộc sống của nhân dân Việt Nam.

PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Giải thích vai trò quan trọng chiến lược của Biển Đông trong giao thông hàng hải quốc tế.

Câu 2. Vì sao Biển Đông là địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương?

Câu 3. “*Cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) đã đưa chế độ phong kiến Đại Việt phát triển đến đỉnh cao*”, em có đồng tình với quan điểm trên? từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

Câu 4: Từ cải cách của Lê Thánh Tông ở thế kỉ XV em hãy đề xuất một số biện pháp nhằm đẩy mạnh cải cách trên lĩnh vực hành chính ở Việt Nam hiện nay.

Câu 5: Vì sao các quốc gia trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đặc biệt quan tâm tới Biển Đông và các đảo, quần đảo trên Biển Đông?

----- HẾT -----